

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số:3006/2017/PIV/CV

V/v: nộp lại BCTC năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần PIV
Mã Chứng khoán : PIV
Trụ sở chính : Tầng 13, tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04 3795 7603
Fax : 04 3795 7605

Ngày 31 tháng 03 năm 2017 Công ty chúng tôi đã gửi lên Quý Ủy ban chứng khoán BCTC năm 2016. Nhưng do có thay đổi trong việc trích lập một số khoản dự phòng nên kết quả báo cáo tài chính năm 2016 có thay đổi. Trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được công ty kiểm toán hồi tố lại, vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này kính gửi lên Quý Ủy ban chứng khoán để thông báo và xin nộp lại Bộ BCTC năm 2016 với chi tiết điều chỉnh theo bảng đính kèm.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý Ủy ban.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như trên
- Lưu KT-TH

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT

Hoàng Thị Hoài



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016 Điều chỉnh

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch	% chênh lệch	Ghi chú - Nguyên nhân điều chỉnh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V1.25	270.010.069.514	270.010.069.514			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	V1.26	258.767.697	258.767.697			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	V1.27	269.751.301.817	269.751.301.817			
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.28	248.734.145.357	251.025.960.033	2.291.814.676	0,92	Trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	V1.30	21.017.156.460	18.725.341.784	-2.291.814.676		LN gộp giảm do CP giá vốn hàng bán tăng ở trên
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.29	7.805.796	7.805.796			
7. Chi phí tài chính	22	V1.30	3.095.508.887	103.400.049	-2.992.108.838	-96,6	Giảm khoản trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính vào công ty TNHH Tiến Đại Phát
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			0			
8. Chi phí bán hàng	24		-1.732.764.744	-1.263.575.378	469.189.366	27,07	Trích lập kinh phí bảo hành sản phẩm mức trích 3%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.733.767.998	3.733.767.998			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		15.928.450.115	16.159.554.911	231.104.796	1,45	Do các nguyên nhân tăng giảm trên dẫn đến tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 231.104.796
11. Thu nhập khác	31		300.301	300.301			
12. Chi phí khác	32		317.924.847	317.924.847			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-317.624.546	-317.624.546			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.610.825.569	15.841.930.365	231.104.796	1,48	Do các nguyên nhân tăng giảm trên dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 231.104.796
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.31	3.388.888.981	3.435.109.940	46.220.959	1,364	Do các nguyên nhân tăng giảm trên dẫn CP thuế TNDN hiện hành tăng 46.220.959 đ
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V1.32		0			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.221.936.588	12.406.820.425			Do các nguyên nhân tăng giảm trên LN sau thuế TNDN tăng tăng 46.220.959 đ
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			0			

